

Số: 170/2026 /QĐST-HNGĐ Cà Mau, ngày 14 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 299/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Võ Chúc G**, sinh ngày 12/4/1982. Căn cước công dân số: 095182005401 cấp ngày 01/4/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: **Ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau**.

- **Bị đơn:** Anh **Ngô Văn B**, sinh ngày 01/01/1977, Căn cước công dân số: 095077005692 cấp ngày 09/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: **Ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Võ Chúc G** và anh **Ngô Văn B**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị **Võ Chúc G** và anh **Ngô Văn B** thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị **Võ Chúc G** và anh **Ngô Văn B** có 01 người con chung tên **Ngô Quốc B1**, sinh ngày 19/9/1998. Hiện nay, **Ngô Quốc B1** đã thành niên, tự đi làm tự lo cuộc sống, chị **G** và anh **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị **Võ Chúc G** và anh **Ngô Văn B** tự thỏa thuận và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**2.4. Về nợ chung:** Chị **Võ Chúc G** và anh **Ngô Văn B** tự thỏa thuận và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**2.5. Về án phí:**

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị **Võ Chúc G** tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân hòa giải thành là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị **Võ Chúc G** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005572 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và chị **Võ Chúc G** được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7- Cà Mau;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Thị Kiều Anh**